

Bản án số: 08/2021/ HSST

Ngày: 19/01/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bá Quyền;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Đào Việt Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/HSST ngày 05 tháng 01 năm 1 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/QĐXXST-HS ngày 05/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Minh T; tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993 tại PY; trú tại: tổ dân phố TĐ, phường BS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Mậu N và bà Trần Thị T bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 126/QĐ-XPHC ngày 31/7/2017 của thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 122/QĐ-XPHC ngày 20/8/2017 của Công an thị xã Phổ Yên xử vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/10/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn D, tên gọi khác: Không; sinh năm 1991 tại PY; trú tại: tổ dân phố TĐ, phường BS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không;

trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh tít: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S và bà Phạm Thị T; có vợ là Lê Thị Y, vợ chồng có 02 con chung, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Tại Quyết định số 13/QĐ- TA ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở tư vấn và điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Thái Nguyên đối với Nguyễn Văn D thời gian 22 tháng (D chưa đi chấp hành).

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0003059 QĐ-XPHC ngày 16/3/2020 của Công an thị xã Phổ Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/10/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: ông Vũ Văn C – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

* Bị hại: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968;

Trú tại: Tiểu khu 3, thị trấn QC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt);

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Việt H, sinh năm 1975;

Trú tại: Số 115, phố TK, phường TK, quận Tây Hồ - Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Anh Lê Quyết T, sinh năm 1980;

Trú tại: Xóm TH, xã ĐS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt);

* Người làm chứng:

1. Chị Đinh Hải Y, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Trú tại: Tổ dân phố TĐ, phường BS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên;

2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Trú tại: Xóm H 1, xã MĐ, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17/8/2020, Phạm Minh T đi nhờ xe mô tô của anh Nguyễn Thanh T từ thị trấn Quân Chu về chỗ ở của T tại tổ dân phố TĐ, phường BB, thị

xã PY. Khi về đến nơi, T mời anh T ở lại ăn cơm và mượn xe mô tô BKS: 29S1- 032.99, nhãn hiệu Honda Wave của anh T để đi mua rượu. Trong khi đi mua rượu, T gọi thêm Nguyễn Văn D sang ăn cơm, uống rượu cùng. T, D và anh T ăn cơm, uống rượu xong đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, thì T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh T đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. T đặt vấn đề trộm cắp xe mô tô với D và được D đồng ý. Khi anh T vào phòng ngủ, T và D đã lấy chiếc xe mô tô trên đi đến một quán sửa xe tại khu vực xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên hỏi cầm cố xe nhưng không được nên đã đi ra xóm H 1, xã MĐ, thị xã PY, vào nhà anh Lê Văn T để hỏi chỗ cầm cố xe nhưng anh T nói không biết. Sau đó, T và D tiếp tục đi ra khu vực phường BH, thị xã PY đến nhà Lê Quyết T để cầm cố xe mô tô. Tại đây, T đặt vấn đề vay tiền nhưng anh T yêu cầu phải có tài sản để lại làm tin nên T đã để lại chiếc xe mô tô của anh T và vay số tiền 1.500.000đ. Sau khi cầm cố được xe, T đưa cho D 400.000đ rồi cùng nhau bắt xe buýt ra ngã tư Phổ Yên, cả hai bắt xe taxi đi xuống khu vực xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên để mua ma túy sử dụng rồi quay lại ngã tư Phổ Yên. T đưa cho D chùm chìa khóa của anh T và bảo D về trước trả cho anh T, còn T vào phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên chơi và tiêu hết số tiền đã cầm cố được.

Khi ngủ dậy, anh T đi tìm xe để về nhưng không thấy và có hỏi em dâu của T là chị Đinh Hải Y thì được biết sau khi anh T đi ngủ, T và D đã lấy xe của anh T đi. Anh T ở nhà T đến sáng hôm sau vẫn không thấy T mang xe mô tô về trả cho mình nên anh đã đến Công an phường BS trình báo sự việc. Ngày 25/8/2020, anh Lê Quyết T đã giao nộp chiếc xe mô tô BKS: 29S1- 032.99 cho Công an phường BS đề giải quyết. Công an phường BS đã lập biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và chuyển giao hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã PY để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 68/KLĐG ngày 27/08/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên kết luận: Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Wave, BKS 29F1- 03299; màu sơn bạc- xám-đen giá trị còn lại là 8.500.000đ.

Quá trình điều tra, Phạm Minh T và Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKSPY ngày 04/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phạm Minh T, Nguyễn Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Văn D đã khai nhận: Ngày 17/8/2020 trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn bạc- Xám-đen BKS 29S1-032.99 của anh Nguyễn Thanh T. Vụ trộm cắp được thực hiện tại tổ dân phố TĐ, phường BS, thị xã Phổ Yên.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T và

Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm i, s khoản 1, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Minh T từ 18 đến 24 tháng tù; Nguyễn Văn D từ 15 đến 18 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho anh T 1.500.000đồng; về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo D vì bị cáo là hộ cận nghèo.

Phản tranh luận: Bị cáo T, D không tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo D tranh luận: Nhất trí với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo D. Người bào chữa đề nghị xem xét cho bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội không gây thiệt hại, gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo đang nuôi hai con nhỏ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó đề nghị cho bị cáo hưởng mức hình phạt 15 tháng tù là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo D về việc đề nghị cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên vì tài sản trộm cắp có giá trị 8.500.000đồng, chiếc xe mà các bị cáo trộm cắp là do anh T tự nguyện giao nộp lại và số tiền 1.500.000đồng đến nay các bị cáo cũng chưa trả lại cho anh T, còn tình tiết bị cáo nuôi hai con nhỏ, pháp luật không có quy định cụ thể nên không chấp nhận.

Nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã PY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa hôm nay bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất. Tuy nhiên những người này đều đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy cần

áp dụng Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, vật chứng thu giữ trong vụ án, kết luận định giá tài sản... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Cả hai bị cáo T, D đều là những đối tượng lười lao động và nghiện ma túy. Để có tiền tiêu sài cá nhân và mua ma túy ngày 17/8/2020 tại gia đình bị cáo T ở tổ dân phố TĐ, phường BS, thị xã PY bị cáo T đã rủ bị cáo D trộm cắp tài sản là Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Wave, BKS 29F1- 03299; màu sơn bạc- xám- đen của anh Nguyễn Thanh T (là khách của T) có giá trị còn lại là 8.500.000đồng, rồi mang đi cầm cố cho anh Nguyễn Quyết T lấy 1.500.000đồng. T chia cho D 400.000đồng, số tiền còn lại T cầm. Cả hai đã tiêu xài hết số tiền trên và chưa trả lại cho anh T. Hành vi, ý thức nêu trên của bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó, Bản cáo trạng số: 10/CT-VKSPY ngày 04/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY truy tố các bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Văn D về tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có nội dung:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự, trị an ở địa phương, do đó việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử bằng pháp luật hình sự là cần thiết, nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ có đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất từ trước, không có sự phân công, phân nhiệm cụ thể như thế nào, nên xác định không có tổ chức. Bị cáo T là người giữ vai trò chính, người khởi xướng và trực tiếp, tích cực thực hiện tội phạm, số tiền cầm cố tài sản bị cáo T sử dụng nhiều hơn. Bị cáo D có vai trò đồng phạm với vai trò giúp sức, cùng mang tài sản đi cầm cố và được chia cho một phần tiền cầm cố tài sản. Như vậy khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc để có hình phạt tương xứng với vai trò và vị trí của từng bị cáo.

[6]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều xuất thân từ nhân dân lao động, song không chịu rèn luyện, lười lao động nhưng lại thích hưởng thụ thành quả lao động của người khác và đều là đối tượng nghiện ma túy. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên cho các bị cáo được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Tuy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xong bị cáo T là người có nhân thân xấu, bị cáo D có hai tiền sự. Lẽ ra sau những lần vi phạm đó các bị cáo phải lấy đó làm bài học để nghiêm khắc sửa chữa bản thân mới đúng, song các bị cáo lại thể hiện là người coi thường pháp luật, tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Do vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo các bị cáo thành công dân tốt và có ích cho xã hội được.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, được chấp nhận.

Không chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo D về việc cho bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội không gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn và bị cáo đang nuôi hai con nhỏ. Vì không phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 29S1-032.99. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là của chị Nguyễn Việt H, chị H cho anh Nguyễn Thanh T mượn xe để sử dụng từ đầu năm 2020 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã PY đã trả lại cho chị H quản lý, sử dụng. Chị H và anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra việc giải quyết.

Đối với anh Lê Quyết T là người đã cầm cố và cho bị cáo T vay số tiền 1.500.000đồng, bị cáo đã để lại chiếc xe Honda Wave BKS: 29S1-032.99 và hẹn khi có tiền sẽ quay lại trả tiền và lấy xe, anh T không biết đây là xe do bị cáo trộm cắp mà có. Sau khi biết tài sản này do trộm cắp mà có anh T đã đem xe giao nộp cho cơ quan Công an để trả lại cho bị hại. Quá trình điều tra anh T không yêu cầu T và D phải bồi thường gì. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt anh T yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho anh số tiền trên. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng của anh T do vậy nay cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh T số tiền trên và chia theo phần mà các bị cáo đã phân chia.

[8]. Về vật chứng của vụ án gồm: 01 Honda Wave BKS: 29S1-032.99 đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[9]. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại Điều 136 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo D là hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại điểm d điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331,333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[11]. Các hành vi khác: Trong vụ án này, anh Lê Quyết T là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô do T và D trộm cắp của anh T. Tuy nhiên anh T không biết chiếc xe trên là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý với anh T là thỏa đáng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Văn D phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Phạm Minh T 24 (hai mươi bốn)tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/10/2020. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/10/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự ra Quyết định tạm giam mỗi bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Văn D 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo T, D.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, các Điều 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Quyết T số tiền 1.500.000đồng, chia theo phần bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho anh T 1.100.000đồng (một triệu một trăm nghìn đồng), bị cáo D có trách nhiệm bồi thường cho anh T 400.000đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo T, D không trả được số tiền trên, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng các bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả do Ngân hàng Nhà nước quy định, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

4.Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Minh T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và

300.000đồng án phí dân sự để sung quỹ Nhà nước. Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí HSST và án phí dân sự cho bị cáo Nguyễn Văn D.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331,333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKDND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND phường BS;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy